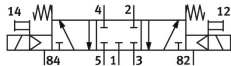


# **Van điện từ** **CPE14-M1CH-5/3G-1/8** Số bộ phận: 550241

**FESTO**



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                    |
|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/3 đóng                                   |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                       |
| Chiều rộng lắp đặt                                         | 14 mm                                      |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 750 l/ph                                   |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | G1/8                                       |
| Điện áp vận hành                                           | 24V DC                                     |
| Áp suất vận hành                                           | 0.3 MPA...0.8 MPA<br>3 bar...8 bar         |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                       |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                               |
| Giấy phép                                                  | c UL us - Recognized (OL)                  |
| Phân loại hàng hải                                         | xem chứng nhận                             |
| Cơ quan cấp chứng chỉ                                      | DNV-TAA000032X<br>UL MH19482               |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP65<br>IP67<br>có ổ cắm<br>theo IEC 60529 |
| Chiều rộng định mức                                        | 6 mm                                       |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                           |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                        |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                     |
| Nút ghi đè                                                 | Phát hiện qua phụ kiện<br>quét             |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                           |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                      |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                        |
| Xác định vị trí van                                        | Giá đỡ biển báo                            |
| Xếp chồng                                                  | gối chống dương                            |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 42 ms                                      |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 20 ms                                      |
| Thời gian bật                                              | 100%                                       |
| Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0           | 1200 µs                                    |

| Đặc tính                                 | Giá trị                                                                              |
|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu | 900 $\mu$ s                                                                          |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây               | 24 V DC: 1,28 W                                                                      |
| Dao động điện áp cho phép                | -15 % / +10 %                                                                        |
| Môi chất vận hành                        | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                 |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển    | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                        |
| Khả năng chống rung                      | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6 |
| chống sốc                                | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27          |
| Lớp chống ăn mòn KBK                     | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                               |
| Tuân thủ LABS                            | VDMA24364-B1/B2-L                                                                    |
| Nhiệt độ trung bình                      | -5 °C...50 °C                                                                        |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh           | -5 °C...50 °C                                                                        |
| Đầu nối mô-men xoắn cực đại thắt chặt    | 0.4 N m                                                                              |
| trọng lượng sản phẩm                     | 120 g                                                                                |
| Cổng nối điện                            | 4 chân<br>M8x1                                                                       |
| Kiểu gắn                                 | với lỗ xuyên                                                                         |
| Cổng nối kiểm soát khí thải 82           | M3                                                                                   |
| Cổng nối kiểm soát khí thải 84           | M3                                                                                   |
| Cổng nối khí điều khiển 12               | M3                                                                                   |
| Cổng nối khí điều khiển 14               | M3                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 1                       | G1/8                                                                                 |
| Cổng nối khí nén 2                       | G1/8                                                                                 |
| Cổng nối khí nén 3                       | G1/8                                                                                 |
| Cổng nối khí nén 4                       | G1/8                                                                                 |
| Cổng nối khí nén 5                       | G1/8                                                                                 |
| Ghi chú vật liệu                         | Tuân thủ RoHS                                                                        |
| Vật liệu của phốt                        | NBR                                                                                  |
| Vật liệu vỏ                              | Nhôm đúc áp lực                                                                      |